TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 460/2017/DS-ST
Ngày: 20/9/2017
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Cao Đức

2. Ông Danh Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Tuyết Trinh – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 30 tháng 8 và ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2017/TLST- DS ngày 10 tháng 02 năm 2017, về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2017/QĐXXST-DS ngày 09/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2017/QĐST-DS ngày 30/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V

Địa chỉ trụ sở: Đường T, Phường T, Quận H, Hà Nội.

Địa chỉ chi nhánh: Đường H, phường N, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ H, sinh năm 1988, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền số 023/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 23/3/2017) (có mặt).

2. Bị đơn: Bà H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Đường D, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 10/10/2016 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, bà Phan Thị Mỹ H đại diện cho nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/8/2014, bà H có ký Hợp đồng tín dụng số 20140812-500000-0132 vay của Ngân hàng TMCP V (viết tắt là Ngân hàng) số tiền 36.750.000 (ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng; Lãi suất vay là 2.917%/tháng; thời hạn

vay 36 tháng, mục đích vay tiêu dùng cá nhân; Theo thỏa thuận, bà H có trách nhiệm thanh toán số tiền 59.833.000 (năm mươi chín triệu tám trăm ba mươi ba ngàn) đồng gồm cả gốc và lãi, trả chậm trong thời hạn 36 tháng, 35 tháng đầu mỗi tháng trả 1.663.000 đồng; tháng cuối cùng trả 1.628.000 đồng, kết thúc hợp đồng vào ngày 14/8/2017.

Thực hiện hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền 36.750.000 (ba mươi sáu triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng, và thanh toán cho Ngân hàng 05 lần với tổng số tiền 8.315.000 (tám triệu ba trăm mười lăm ngàn) đồng; trong đó tiền vốn là 3.133.139 đồng, tiền lãi là 5.181.861 đồng. Kể từ ngày 27/01/2015, bà H không thanh toán tiếp bất cứ khoản nào nữa mặc dù Ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu chấm dứt Hợp đồng tín dụng số 20140812-500000-0132 ngày 14 tháng 8 năm 2014 giữa Ngân hàng TMCP V với bà H, yêu cầu bà H thanh toán số nợ như sau: khoản nợ đến hạn là 33.260.000 đồng; khoản nợ gốc chưa đến hạn là 15.432.295 đồng. Tổng số tiền bà H phải thanh toán tạm tính đến ngày 10/10/2016 là 48.692.295 đồng, thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 14/8/2017, Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ khoản nợ đến hạn là 51.518.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Đại diện Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà H thanh toán toàn bộ khoản nợ đến hạn tính đến ngày 14/8/2017 là 51.518.000 (năm mươi mốt triệu năm trăm mười tám ngàn) đồng, trong đó bao gồm số tiền gốc còn lại là 33.616.863 (ba mươi ba triệu sáu trăm mười sáu ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng và tiền lãi là 17.901.137 (mười bảy triệu chín trăm lẻ một ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng.

Thanh toán ngay một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên phát sinh từ hợp đồng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử cũng như từ khi mở phiên tòa xét xử cho đến khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án. Về lãi suất phát sinh trong trường hợp bà H chậm trả tiền khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, Ngân hàng yêu cầu được tính theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị đơn bà H đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án không ghi được lời khai, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu buộc bà H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ là 51.518.000 (năm mươi mốt triệu năm trăm mười tám ngàn) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét thấy đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do bị đơn là bà H có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại Điều 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để hòa giải mà vẫn cố tình vắng mặt. Do vậy, theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không thể tiến hành hòa giải được.

Bà H đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà H theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán số nợ với số tiền tổng cộng là 51.518.000 (năm mươi mốt triệu năm trăm mười tám ngàn) đồng, trong đó bao gồm:

- Số tiền gốc còn lại của hợp đồng là 33.616.863 (ba mươi ba triệu sáu trăm mười sáu ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

- Số tiền lãi là 17.901.137 (mười bảy triệu chín trăm lẻ một ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng.

Xét bà H đã vay tiền Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 20140812-500000-0132 ngày 14/8/2014 nhưng vi phạm hợp đồng, không trả vốn lãi theo thỏa thuận nên Ngân hàng khởi kiện đòi số tiền còn nợ là 51.518.000 (năm mươi mốt triệu năm trăm mười tám ngàn) đồng, trong đó bao gồm số tiền gốc còn lại là 33.616.863 (ba mươi ba triệu sáu trăm mười sáu ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng và tiền lãi là 17.901.137 (mười bảy triệu chín trăm lẻ một ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết vì phù hợp với Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Ngân hàng không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên do phát sinh từ hợp đồng cho đến khi Tòa án mở phiên tòa xét xử cũng như từ khi mở phiên tòa xét xử cho đến khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về lãi suất phát sinh trong trường hợp bà H chậm trả tiền khi Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, Ngân hàng yêu cầu được tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Xét yêu cầu này của Ngân hàng là không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà

H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.575.900 (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 471 và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Điều 3 và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 207, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu đòi nợ của Ngân hàng TMCP V.

Buộc bà H trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ là 51.518.000 (năm mươi mốt triệu năm trăm mười tám ngàn) đồng, trong đó bao gồm:

- Số tiền gốc còn lại của hợp đồng là 33.616.863 (ba mươi ba triệu sáu trăm mười sáu ngàn tám trăm sáu mươi ba) đồng.

- Số tiền lãi là 17.901.137 (mười bảy triệu chín trăm lẻ một ngàn một trăm ba mươi bảy) đồng.

Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thi hành như án đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.575.900 (hai triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn chín trăm) đồng.

Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.217.307 (một triệu hai trăm mười bảy ngàn ba trăm lẻ bảy) đồng theo biên lai thu số 0026718 ngày 07/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Phúc